

Bản án số: 57/2026/HS-ST

Ngày: 19-03-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Tư và Ông Nguyễn Đăng Thường

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Mạnh - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T, sinh ngày 07/02/1999 tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký thường trú xóm A, xã C, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai; số CCCD: 037099004976 cấp ngày 01/05/2021 tại Cục C1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H, sinh năm 1968 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1970; Bị cáo đã ly hôn vợ; Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2025 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam Bình Phước – Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Đ

2. Nguyễn Văn C, sinh ngày 03/02/2000 tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký thường trú xóm A, xã C, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai; số CCCD: 037200002809 cấp ngày 04/02/2023 tại Cục C1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2025 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam Bình Phước – Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Đ.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1983; cư trú tại địa chỉ ấp N, xã P, thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bà Hồ Thảo N1, sinh năm 1996; cư trú tại địa chỉ ấp D, xã P, thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bà Dương Ngọc T3, sinh năm 1972; cư trú tại địa chỉ ấp B, xã P, thành phố Hồ Chí Minh.
4. Anh Nguyễn Ngọc N2, sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú xã C, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay tổ A, thôn I, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.
5. Bà Phan Thúy Mỹ Q, sinh năm 1993; cư trú tại địa chỉ khu phố S, phường B, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay số F H, khu phố P, phường B, tỉnh Đồng Nai.
6. Bà Mai Thị H1, sinh năm 1962; nơi đăng ký thường trú khu phố H, phường P, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay tổ C, thôn T, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.
7. Bà Lê Thị Thúy H2, sinh năm 1996; cư trú tại địa chỉ ấp Minh Thắng 2, xã Nha Bích, tỉnh Đồng Nai
8. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1971 cư trú tại địa chỉ ấp K, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà H1 có mặt, những người còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân nên từ tháng 12/2024 đến 11/9/2025, Vũ Văn T cùng Nguyễn Văn C đã cho 08 người vay tiền với mức lãi suất cao gấp 15,2 lần đến 18,25 lần (từ 304%/năm đến 365%/năm) mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 143.821.110 đồng, cụ thể:

1. **Hồ Thảo N1**: Vay 235.000.000 đồng/26 lần với lãi suất 304%/năm, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với **N1** là 41.924.314 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Đầu tháng 12/2024, **N1** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

- Lần 2: Giữa tháng 12/2024, **N1** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

- Lần 3: Giữa tháng 12/2024, **N1** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

- Lần 4: Giữa tháng 12/2024, **N1** tiếp tục vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

- Lần 5: Cuối tháng 12/2024, **N1** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

- Lần 6: Cuối tháng 3/2025, **N1** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

- Lần 7: Đầu tháng 4/2025, **N1** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

- Lần 8: Giữa tháng 4/2025, **N1** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

- Lần 9 đến lần thứ 24 (từ giữa tháng 4/2025 đến giữa ngày 11/8/2025, vay 16 lần): Cũng cách thức như trên, mỗi lần **N1** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Mỗi khoản vay trên **N1** đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

*Tổng 16 lần vay trên **N1** đã trả 160.000.000 đồng tiền gốc và 32.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 2.104.112 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 29.895.888 đồng).*

- Lần 25: Ngày 15/8/2025, **N1** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 09 ngày với 3.750.000

đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 49.315 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 700.685 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 6.250.000 đồng.*

- Lần 26: Ngày 08/9/2025, **N1** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **N1** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N1** đã trả 03 ngày với 625.000 đồng tiền gốc và 125.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 8.219 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 116.781 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 4.375.000 đồng.*

2. **Phan Thúy Mỹ Q:** Vay 310.000.000 đồng/11 lần với lãi suất 304%/năm, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với **Q** là 54.419.859 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Đầu tháng 3/2025, **Q** vay 20.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 24.000.000 đồng; mỗi ngày **Q** phải góp 1.000.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **Q** đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 236.014 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 3.736.986 đồng).

- Lần 2: Cuối tháng 3/2025, **Q** vay 20.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 24.000.000 đồng; mỗi ngày **Q** phải góp 1.000.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **Q** đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 236.014 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 3.736.986 đồng).

- Lần 3 đến lần 10 (từ giữa tháng 4/2025 đến cuối tháng 8/2025, 08 lần): Mỗi lần **Q** vay 30.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 36.000.000 đồng; mỗi ngày **Q** phải góp 1.500.000 đồng (cả gốc và lãi). Mỗi khoản vay trên **Q** đã trả 30.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 394.521đồng; lãi suất trên 20%/năm là 5.605.479 đồng).

*Tổng 08 lần vay trên **Q** đã trả 240.000.000 đồng tiền gốc và 48.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 3.156.168 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 44.843.832 đồng).*

- Lần 11: Ngày 02/9/2025, **Q** vay 30.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 36.000.000 đồng; mỗi ngày **Q** phải góp 1.500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **Q** đã trả 11.250.000 đồng tiền gốc và 2.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 147.945 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.102.055 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 18.750.000 đồng.*

3. **Nguyễn Ngọc N2:** Vay 65.000.000 đồng/8 lần với lãi suất 304%/năm, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với **N2** là 7.785.389 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Đầu tháng 3/2025, **N2** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N2** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N2** đã trả 10.000.000 đồng tiền

gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

- Lần 2: Đầu tháng 4/2025, **N2** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **N2** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N2** đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

- Lần 3: Cuối tháng 4/2025, **N2** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N2** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N2** đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

- Lần 4: Đầu tháng 5/2025, **N2** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **N2** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N2** đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

- Lần 5: Giữa tháng 6/2025, **N2** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **N2** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N2** đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

- Lần 6: Ngày 02/9/2025, **N2** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N2** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N2** đã trả được 09 ngày với 3.750.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 49.315 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 700.685 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 6.250.000 đồng.*

- Lần 7: Ngày 05/9/2025, **N2** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N2** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N2** đã trả được 06 ngày với 2.500.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 32.877 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 467.123 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 7.500.000 đồng.*

- Lần 8: Ngày 09/9/2025, **N2** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **N2** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **N2** đã trả được 01 ngày với 416.667 đồng tiền gốc và 83.333 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 5.479 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 77.854 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 9.583.333 đồng.*

4. **Mai Thị H1**: Vay 25.000.000 đồng/5 lần với lãi suất 304%/năm, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với **H1** là 3.892.696 đồng, cụ thể:

- Lần thứ 1 đến lần thứ 4 (từ tháng 4/2025 đến tháng 7/2025): Mỗi lần **H1** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **H1** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **H1** đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng).

Tổng 04 lần vay trên **H1** đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 263.012 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 3.736.988 đồng).

- Lần 5: Ngày 07/9/2025, **H1** vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 6.000.000 đồng; mỗi ngày **H1** phải góp 250.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **H1** đã trả được 4 ngày với 833.333 đồng tiền gốc và 166.667 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 10.959 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 155.708 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 4.166.667 đồng.*

5. **Nguyễn Thị Hương L**: Vay 90.000.000 đồng/7 lần với lãi suất 304%/năm, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với **L** là 10.043.151 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 4/2025, **L** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **L** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **L** đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.868.493 đồng).

- Lần 2: Khoảng tháng 5/2025, **L** vay 15.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 18.000.000 đồng; mỗi ngày **L** phải góp 750.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **L** đã trả 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 197.260 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.802.740 đồng).

- Lần 3: Khoảng tháng 6/2025, **L** vay 15.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 18.000.000 đồng; mỗi ngày **L** phải góp 750.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **L** đã trả 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 197.260 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.802.740 đồng).

- Lần 4: Ngày 25/8/2025, **L** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **L** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **L** đã trả được 15 ngày với 6.250.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 82.192 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.167.808 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 3.750.000 đồng.*

- Lần 5: Ngày 25/8/2025, **L** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.000.000 đồng; mỗi ngày **L** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **L** đã trả được 12 ngày với 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm

là 65.753 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 934.247 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 5.000.000 đồng.*

- Lần 6: Ngày 05/9/2025, **L** vay 15.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 18.000.000 đồng; mỗi ngày **L** phải góp 750.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **L** đã trả được 03 ngày với 1.875.000 đồng tiền gốc và 375.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 24.658 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 350.342 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 13.125.000 đồng.*

- Lần 7: Ngày 08/9/2025, **L** vay 15.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 18.000.000 đồng; mỗi ngày **L** phải góp 750.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **L** đã trả được 01 ngày với 625.000 đồng tiền gốc và 125.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 8.219 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 116.781 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 14.375.000 đồng.*

6. **Dương Ngọc T3**: Vay 20.000.000 đồng/01 lần với lãi suất 304%/năm, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với **T3** là 1.401.370 đồng, cụ thể:

Khoảng tháng 3/2025, **T3** vay 20.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 24.000.000 đồng; mỗi ngày **T3** phải góp 1.000.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **T3** đã trả 09 ngày với 7.500.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 98.630 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.401.370 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 12.500.000 đồng.*

7. **Lê Thị Thúy H2**: Vay tổng số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 304%/năm, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với **H2** là 5.449.771 đồng, cụ thể:

Lần 1: Tháng 6/2025, **H2** vay 20.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 24.000.000 đồng; mỗi ngày **H2** phải góp 1.000.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **H2** đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 236.014 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 3.736.986 đồng).

Lần 2: Cuối tháng 8/2025, **H2** vay 20.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày với tổng số tiền phải góp là 24.000.000 đồng; mỗi ngày phải góp 1.000.000 đồng (cả gốc và lãi). Đối với khoản vay này, **H2** đã góp được 11 ngày với tổng số tiền 11.000.000 đồng (cả gốc và lãi), bao gồm 9.166.667 đồng tiền gốc và 1.833.333 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 120.548 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 1.712.785 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 10.833.333 đồng.*

8. **Trần Thị H3**: Vay 110.000.000 đồng/5 lần với lãi suất 365%/năm, tổng số tiền thu lợi bất chính đối với **H3** là 18.904.560 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 6/2025, **H3** vay 30.000.000 đồng, góp trong vòng 25 ngày với tổng số tiền phải góp là 37.500.000 đồng; mỗi ngày **H3** phải góp 1.500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **H3** đã trả 30.000.000 đồng tiền gốc và 7.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 410.959 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 7.089.041 đồng).

- Lần 2: Khoảng tháng 7/2025, **H3** vay 30.000.000 đồng, góp trong vòng 25 ngày với tổng số tiền phải góp là 37.500.000 đồng; mỗi ngày **H3** phải góp 1.500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **H3** đã trả 30.000.000 đồng tiền gốc và 7.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 410.959 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 7.089.041 đồng).

- Lần 3: Ngày 29/8/2025, **H3** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 25 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.500.000 đồng; mỗi ngày **H3** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **H3** đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 136.986 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.363.014 đồng).

- Lần 4: Ngày 31/8/2025, **H3** vay 30.000.000 đồng, góp trong vòng 25 ngày với tổng số tiền phải góp là 37.500.000 đồng; mỗi ngày **H3** phải góp 1.500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **H3** đã trả được 08 ngày với 9.600.000 đồng tiền gốc và 2.400.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 131.507 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 2.268.493 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 20.400.000 đồng.*

- Lần 5: Ngày 10/9/2025, **H3** vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 25 ngày với tổng số tiền phải góp là 12.500.000 đồng; mỗi ngày **H3** phải góp 500.000 đồng (cả gốc và lãi). Khoản vay trên **H3** đã trả được 01 ngày với 400.000 đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi (lãi suất cho phép 20%/năm là 5.479 đồng; lãi suất trên 20%/năm là 94.521 đồng). *Số tiền gốc còn nợ là 9.600.000 đồng.*

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** đã thu giữ: Thu giữ khi kiểm tra hành chính: 40 tờ giấy A4 có nhiều chữ viết và chữ số; Thu giữ của **Nguyễn Văn C**: 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax màu trắng; Thu giữ của **Vũ Văn T**: 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax màu xám; 01 xe mô tô BKS 93P2 – 573.87 và số tiền 1.500.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSKV9 ngày 06/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã truy tố các bị cáo **Vũ Văn T** và **Nguyễn Văn C** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Vũ Văn T** mức án tù 07 đến 09 tháng tù. Tuyên phạt bổ sung bị cáo **T** 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** mức án 06 tháng 06 ngày tù, bằng thời gian bị cáo bị tạm giam. Tuyên phạt bổ sung bị cáo **C** 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo **T** phải nộp lại số tiền gốc ban đầu làm phương tiện cho vay sau khi trừ số tiền gốc mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ lại và số tiền lãi suất tương ứng 20%/năm đã nhận của người vay, để nộp ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo **T** phải trả lại cho người vay số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật (trên 20%) đã nhận và đồng thời buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn lại số tiền nợ gốc còn nợ lại đã vay của bị cáo **T** để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với tài sản của các bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax màu trắng; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax màu xám; 01 xe mô tô BKS 93P2 – 573.87 và số tiền 1.500.000 đồng.

Các bị cáo **Vũ Văn T** và **Nguyễn Văn C** tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà **Mai Thị H1** có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt, tuy nhiên đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo **Vũ Văn T** và **Nguyễn Văn C** thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 02/CT-VKSKV9 ngày 06/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã truy tố. Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về cách thức cho vay, số tiền vay; phù hợp với biên bản thu giữ tài liệu, biên bản khám xét nơi ở; biên bản đối chiếu, tính toán số tiền cho vay, lãi suất cho vay, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Do muốn thu lợi bất chính bằng hình thức cho vay góp (vay bát họ) trả theo ngày nên từ tháng 12/2024 **Vũ Văn T** đã in các tờ quảng cáo có nội dung “CHO VAY TIỀN; Nhanh gọn; Uy tín, bảo mật và số điện thoại 0853.363.866 phát ở khu vực đông dân cư, khu công nghiệp, khi người muốn vay tiền thì liên hệ và **T** sẽ trực tiếp gặp, tư vấn, trao đổi cách thức cho vay, hình thức trả tiền, đến tháng 3/2025 **T** thuê **Nguyễn Văn C**, sinh năm 2000 phụ giúp **T** trong việc thu tiền vay, hứa trả lương 5.000.000 đồng/tháng và lo chi phí sinh hoạt, với số tiền vốn ban đầu là 150.000.000 đồng **Vũ Văn T** đã cho ông **Nguyễn Ngọc N2**, bà **Hồ Thảo N1**, bà **Mai Thị H1**, bà **Lê Thị Thúy H2**, bà **Dương Ngọc T3**, bà **Nguyễn Thị Hương L**, bà **Trần Thị H3** và bà **Phan Thúy Mỹ Q** vay làm nhiều lần, tổng số tiền của các lần vay cộng dồn lên thành 895.000.000 đồng, với mức lãi suất cao gấp 15,2 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (tức là từ 304%/ năm đến 365%/năm), thu lợi bất chính số tiền 143.821.110 đồng. Còn **Nguyễn Văn C**, mặc dù biết việc **T** cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng **C** vẫn giúp sức cho **T** trong việc thực hiện hành vi vi phạm. Hành vi của **Vũ Văn T** và **Nguyễn Văn C** thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai truy tố các bị cáo theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn nhận thức được bản thân các cáo không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép (cho phép) kinh doanh tiền tệ và việc cho người khác vay với lãi suất cao gấp 5 lần so với lãi suất quy định của Nhà nước, thu lợi bất chính trên 100.000.000 đồng là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng do lười lao động, háms lợi nhanh chóng bằng cách cho những người đang khó khăn về kinh tế, có có tài sản thế chấp và đang nhu cầu vay vốn ngay để thu về mức lãi suất cao, hưởng chênh lệch nên các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố tình thực hiện hành vi như đã nêu ở trên. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội trong hoạt động tín dụng, đẩy người đi vay càng lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn khi phải trả mức lãi cao, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo **Vũ Văn T** là người đầu tiên khởi xướng và đồng thời là người thực hành tích cực nhất, thể hiện bị cáo đã chuẩn bị cho việc phạm tội của mình như in tờ rơi quảng cáo, đi rải tờ rơi ở nơi đông dân cư và sử dụng số tiền 150.000.000 đồng vốn ban đầu để cho vay nhằm mục đích thu lợi bất chính, cụ thể trực tiếp cho 08 người vay tiền với tổng số tiền quay vòng lên đến 895.000.000 đồng, mức lãi suất cao gấp 15,2 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (từ 304%/ năm đến 365%/năm), thu lợi bất chính số tiền 143.821.110 đồng. Vì vậy cần có mức hình

phạt nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và nặng hơn bị cáo **T** mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo **Nguyễn Văn C**, khi được bị cáo **Vũ Văn T** thuê giúp việc, bị cáo **C** biết rõ bị cáo **T** cho vay lãi nặng nhưng bị cáo **C** vẫn thực hiện thể hiện ở việc bị cáo giúp đỡ **T** đi thu tiền góp hàng ngày; sử dụng 02 tài khoản Ngân hàng của mình giúp **T** trong việc giao dịch chuyển tiền vay và hưởng lương do **T** trả. Như vậy bị cáo **Nguyễn Văn C** thực hiện hành vi phạm tội vai trò là người giúp sức, lẽ ra khi biết được hành vi của **T** thì **C** phải, khuyên răn, ngăn cản hoặc báo với cơ quan cơ thẩm quyền ngăn chặn hành vi của **T**, nhưng **C** vẫn giúp **T** thực hiện hành vi phạm tội trong một thời gian dài như đã nêu ở trên nên bị cáo **C** phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của mình nhưng nhẹ hơn bị cáo **T**.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân các bị cáo: Về tình tiết tăng nặng: Mặc dù các bị cáo **T** và **C** cho vay nhiều lần nhưng mỗi lần số tiền thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nên không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với bị cáo **T** và **C** theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về các vấn đề khác và xử lý vật chứng:

Tại phiên tòa bị cáo **Vũ Văn T** xác định trong khoảng thời gian tháng 12/2024 đến tháng 9/2025 bị cáo sử dụng số tiền vốn gốc ban đầu để cho vay là 150.000.000 đồng sau khi nhận tiền từ người vay ngoài chi tiêu thì bị cáo lại dùng để cho người khác vay lấy lãi (nâng vốn vay), xét lời trình bày của bị cáo và đối chiếu với bảng thống kê tính toán số tiền cho vay hoàn toàn phù hợp, logic về mặt thời gian cho vay, số tiền mỗi lần cho vay, khoản gốc người vay đã trả và còn nợ lại là có căn cứ.

Đối với bị cáo **Nguyễn Văn C** chỉ làm thuê cho **T**, sau khi người vay chuyển tiền vào tài khoản của mình thì đã chuyển cho bị cáo **T** và bị cáo **T** chỉ hứa trả lương tháng (cuối năm nhận lương 01 lần) chứ thực tế chưa trả lương

cho bị cáo **C** nên không buộc bị cáo **C** phải có nghĩa vụ bồi thường trách nhiệm dân sự hay phải buộc truy thu để hoàn lại số tiền có được từ việc phạm tội.

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Đối với khoản tiền gốc bị cáo **T** cho vay; khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) xác định là các khoản tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; Đối với số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) thì buộc bị cáo **T** hoàn trả lại cho người vay, đối với số tiền gốc người vay còn nợ lại của bị cáo **T** cần buộc người vay nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

Từ số tiền gốc ban đầu là 150.000.000 đồng, bị cáo **Vũ Văn T** sử dụng để cho vay và quay vòng vốn, lãi nhiều lần đối với nhiều người (08 người). Đến thời bị phát hiện bắt giữ, qua xác định tổng số tiền gốc mà 08 người vay nói trên còn nợ bị cáo **T** là 146.458.333 đồng. Như vậy, cần buộc bị cáo **T** phải có nghĩa vụ nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 3.541.667 đồng (tiền vốn đã thu hồi sau khi trừ đi số tiền những người vay chưa trả bị cáo) và số tiền lãi 20% (đã thu của các con nợ) là 9.877.671 đồng. Tổng cộng bị cáo **T** phải nộp là 13.419.338 đồng.

Đồng thời cần tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền 146.458.333 đồng mà 08 người vay chưa trả (còn nợ) bị cáo **T**, gồm ông **Nguyễn Ngọc N2** số tiền là 23.333.333 đồng; bà **Hồ Thảo N1** số tiền là 10.625.000 đồng; bà **Mai Thị H1** số tiền là 4.166.667 đồng; bà **Lê Thị Thúy H2** số tiền là 10.833.333 đồng; bà **Dương Ngọc T3** số tiền là 12.500.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Hương L** số tiền là 36.250.000 đồng; bà **Trần Thị H3** số tiền là 30.000.000 đồng; bà **Phan Thúy Mỹ Q** số tiền là 18.750.000 đồng. Đây là số tiền mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần buộc những người đang vay nói trên phải giao lại để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) – khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính (là 143.821.110 đồng) thì cần buộc bị cáo **Vũ Văn T** phải trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả cho bà **Lê Thị Thúy H2** số tiền 5.449.771 đồng; Trả cho anh **N3 Ngọc N2** số tiền 7.785.389 đồng; Trả cho bà **Nguyễn Thị Hương L** số tiền 10.043.151 đồng; Trả cho bà **Phan Thị Mỹ Q1** số tiền 54.419.859 đồng; Trả cho bà **Trần Thị H3** số tiền 18.904.560 đồng; Trả cho bà **Mai Thị H1** số tiền 3.892.696 đồng; Trả cho bà **Hồ Thảo N1** số tiền 41.924.314 đồng; Trả cho bà **Dương Ngọc T3** số tiền 1.401.370 đồng.

- Đối xe mô tô BKS 93P2 – 573.87 quá trình điều tra xác định ông **Nguyễn Trí N4** đã bán cho bị cáo **T**, ông **N4** không liên quan đến vụ án nên không xem xét.

- Đối với các tài khoản của bị cáo **Nguyễn Văn C** hiện không có tiền trong tài khoản nên không xem xét quản thủ.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax màu trắng; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax màu xám; 01 xe mô tô BKS 93P2 – 573.87 và số tiền 1.500.000 đồng, do đây công cụ, phương tiện được các bị cáo dùng vào mục đích phạm tội và tài sản bị cáo có được từ việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh Tuyên bố bị cáo **Vũ Văn T** và **Nguyễn Văn C** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

-Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2025.

Phạt bổ sung số tiền 35.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

-Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày tù**, bằng thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/9/2025 đến ngày xét xử 19/3/2026. Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo **C** nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Văn C** số tiền 30.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Áp dụng Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc **Vũ Văn T** phải nộp lại số tiền gốc là 3.541.667 đồng; tiền lãi theo quy định (không quá 20%) 9.877.671 đồng. Tổng cộng là 13.419.338 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc **Vũ Văn T** phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%, tổng là 143.821.110 đồng). Cụ thể: Trả cho bà **Lê Thị Thúy H2** số tiền 5.449.771 đồng; Trả cho anh **N3 Ngọc N2** số tiền 7.785.389 đồng; Trả cho bà **Nguyễn Thị Hương L** số tiền 10.043.151 đồng; Trả cho bà **Phan Thị Mỹ Q1** số tiền 54.419.859 đồng; Trả cho bà **Trần Thị H3** số tiền 18.904.560

đồng; Trả cho bà **Mai Thị H1** số tiền 3.892.696 đồng; Trả cho bà **Hồ Thảo N1** số tiền 41.924.314 đồng; Trả cho bà **Dương Ngọc T3** số tiền 1.401.370 đồng.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc là 146.458.333 đồng của 08 người đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo **Vũ Văn T**, cụ thể số tiền của từng người: Bà **Lê Thị Thúy H2** số tiền là 10.833.333 đồng; Anh **Nguyễn Ngọc N2** số tiền là 23.333.333 đồng; Bà **Nguyễn Thị Hương L** nộp số tiền là 36.250.000 đồng; Bà **Phan Thị Mỹ Q1** số tiền là 18.750.000 đồng; Bà **Trần Thị H3** số tiền là 30.000.000 đồng; Bà **Mai Thị H1** số tiền là 4.166.667 đồng; Bà **Hồ Thảo N1** số tiền là 10.625.000 đồng; Bà **Dương Ngọc T3** số tiền là 12.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

-Tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax màu trắng; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax màu xám; 01 xe mô tô BKS 93P2 – 573.87 và số tiền 1.500.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Vũ Văn T** và **Nguyễn Văn C** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 9 -Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- CQCSĐT Công an tỉnh Đồng Nai (3);
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Phòng PC10–Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Người tham gia tố tụng (10);
- Thi hành án (8);
- Lưu HSVA, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương